

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **98/2020/HS – ST**
Ngày: 23-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Công Trường

Bà Nguyễn Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 117/2020/TLST – HS ngày 06 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2020/QĐXXST – HS ngày 09 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thị Phương T - Sinh năm 1984 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nơi cư trú: Số 158 đường N, phường PH, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1, sinh năm 1945 và bà Cao Thị Quỳnh N, sinh năm 1950; Có chồng là Lê Công T2 (đã ly hôn) và có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2013).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Công ty cổ phần TM-DV vận tải N

Địa chỉ: Khu phố V, phường PM, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Đăng N1, sinh năm 1985

Địa chỉ: Đường 61, phường T, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Tấn C, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã CP, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Phương T và ông Triệu Đăng N1 cùng là nhân viên phòng nhân sự của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải N (gọi tắt là Công ty N). Khoảng 13 giờ ngày 12-03-2020, khi T đang nghỉ trưa tại Công ty N thì nhận được điện thoại của ông N1 nhờ T cất giữ 01 túi nylon đựng tiền đang để trên bàn làm việc của ông N1, T đồng ý. T đi vào phòng làm việc của ông N1 thấy trên bàn có 01 túi nylon màu xanh in logo của ngân hàng BIDV, bên trong có số tiền 120.000.000 đồng được chia thành 04 cọc tiền gồm: 02 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, mỗi cọc có 100 tờ tiền và 02 cọc tiền mệnh giá 100.000 đồng, mỗi cọc có 100 tờ tiền nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T lấy trộm 01 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, với tổng số tiền là 50.000.000 đồng rồi dùng 01 tờ giấy A4 bọc số tiền vừa lấy trộm, số tiền 70.000.000 đồng còn lại để lại vị trí cũ.

Sau khi lấy được tài sản, T gọi điện cho Huỳnh Tấn C (là chồng sắp cưới của T) nói mới ứng được tiền lương của công ty và hẹn C đến khu vực gần Công ty N để lấy tiền về trả nợ. C liền chạy đến điểm hẹn gặp T lấy số tiền 50.000.000 đồng mang về trả nợ hết 27.500.000 đồng. Quá trình làm việc tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Mỹ, T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định số tiền 50.000.000 đồng là tài sản của Công ty N giao cho ông Triệu Đăng N1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Mỹ đã trả lại cho Công ty N – do ông Triệu Đăng N1 làm đại diện số tiền 50.000.000 đồng theo Quyết định xử lý vật chứng số 39/QĐ ngày 13/3/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải N không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại Cáo trạng số 125/CT-VKS ngày 30-6-2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã truy tố Lê Thị Phương T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (23-7-2020). Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát đã tuân thủ nghiêm thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định tại các điều 88, 98, 105 Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra không có bức cung, nhục hình. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án và tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, qua đối chiếu với lời khai tại cơ quan điều tra, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy phù hợp với nhau, do vậy đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 13 giờ 00, ngày 12-3-2020 tại Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải N thuộc khu phố V, phường PM, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Lê Thị Phương T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải N số tiền 50.000.000 đồng. Đối chiếu với quy định của pháp luật, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với Huỳnh Tấn C: Khi nhận 50.000.000 đồng từ T, C không biết đây là tài sản do T trộm cắp mà có nên không có căn cứ xem xét xử lý C về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[3] Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân. Ngoài ra còn tác động xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là bộc phát, nhất thời, do hoàn cảnh kinh tế gia đình túng quẫn nên mới nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, hiện đang nuôi cha mẹ già và con nhỏ nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã bồi thường cho Công ty N số tiền 50.000.000 đồng. Đại diện theo ủy quyền của Công ty N có đơn bãi nại cho bị cáo, bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình phải chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ già và con nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định, hiện đang nuôi dưỡng cha mẹ già và con nhỏ. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Công ty N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Phương T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (23-7-2020).

Giao bị cáo Lê Thị Phương T cho Ủy ban nhân dân phường PH, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Lê Thị Phương T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Về hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Thị Phương T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV 06, Công an tỉnh BR-VT;
- VKSND TX.Phú Mỹ;
- Cơ quan CSĐT Công an TX.Phú Mỹ;
- Chi cục Thi hành án dân sự TX.Phú Mỹ;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Nhung